

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/HS-PT

Ngày: 13/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng** và bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập** – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 324/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2025.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 14/4/1985. Nơi ở trước khi bị bắt: 03 **P, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai**. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kế toán **trường mầm non S, thị xã A**, là Đảng viên, bị đình chỉ sinh hoạt ngày 07/5/2024; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1962. Họ tên mẹ: **Lê Thị H**, sinh năm: 1963. Họ tên chồng: **Phạm Anh T** (đã ly hôn), có 02 con, sinh năm 2010 và 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2024. **Có mặt.**

Người bào chữa cho bị cáo: ông **Trương Văn V** – Luật sư, Văn phòng Luật sư **Trương Thị P** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh G**; Địa chỉ: **A Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường D, tỉnh Gia Lai)**. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng M làm Kế toán tại trường mầm non S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình sinh sống và làm việc tại địa phương M có quen biết với bà Lê Thị Hương T1 (sinh năm 1990, trú tại B N, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai) và biết bà T1 có cho người khác vay tiền lấy lãi, nên từ tháng 3/2022, Nguyễn Thị Hồng M đặt vấn đề vay tiền của bà T1 để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho các giáo viên công tác tại các trường mầm non và trường tiểu học trên địa bàn thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vì tin tưởng M là công chức nên bà T1 đồng ý, do đó, mỗi khi M báo có khách cần tiền để đáo hạn ngân hàng thì M đều nhắn tin qua zalo để vay tiền của bà T1.

Từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022 bà T1 đã nhiều lần chuyển tiền cho M vay, lãi suất hai bên tự thỏa thuận với nhau. Quá trình vay tiền M đều trả tiền gốc, tiền lãi đúng hạn nên tạo được sự tin tưởng của bà T1.

Ngày 14/10/2022, do cần tiền để trả nợ cho Nguyễn Thị Thiên A (sinh năm 1985, trú tại B L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai) nên M đã dùng thủ đoạn nhắn tin qua zalo với bà T1, M đưa ra thông tin gian dối cần vay số tiền 1.500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng 01 bộ hồ sơ vào sáng thứ hai ngày 17/10/2022 và hẹn chiều 17/10/2022 sau khi giải ngân xong khoản tiền này M sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã cho bà T1. Tin tưởng là thật nên sáng ngày 17/10/2022, bà T1 đã dùng tài khoản ngân hàng số 5006205016180 chuyển khoản đến tài khoản số 5006215022331 của M số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền thì M không sử dụng để đáo hạn như thỏa thuận mà chuyển 1.480.000.000 đồng trả nợ cho Nguyễn Thị Thiên A qua số tài khoản 5006215002596 của bà A.

Đến chiều cùng ngày không thấy M trả tiền như đã hẹn nên vợ chồng bà T1 đã đến nhà M yêu cầu M viết Giấy vay của bà T1 tổng số tiền 8.613.000.000 đồng (gồm khoản nợ 7.113.000.000 đồng từ ngày 03/3/2022 đến 14/10/2022 và khoản nợ 1.500.000.000 đồng ngày 17/10/2022), M đồng ý viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 25/10/2022 sẽ trả lại tiền cho bà T1.

Quá thời hạn cam kết bà T1 nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng M đưa ra nhiều lý do để trốn tránh việc trả nợ. Nghi ngờ M lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ngày 25/02/2023 bà Lê Thị Hương T1 đã làm đơn gửi Cơ quan điều tra tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Hồng M.

Đến ngày 21/7/2023 bà T1 và Nguyễn Thị Hồng M đã đối chiếu công nợ và chốt số tiền hiện tại M còn nợ T1 2.750.056.979 đồng gồm: 1.500.000.000 đồng M đưa ra thông tin vay để đáo hạn ngân hàng vào ngày 17/10/2022 và số tiền là 1.250.056.979 đồng gồm tiền đáo hạn ngân hàng trước đó T1 cho M vay; tiền góp; tiền hui và một số tiền vay trả cá nhân giữa T1 và M, nhưng hai bên không xác định được cụ thể từng khoản tiền và không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện từng khoản tiền chuyển cho M. Đồng thời việc vay mượn, chơi hui, chơi

tiền góp diễn ra trong thời gian dài nên không có căn cứ xác định số tiền 1.250.056.979 đồng là những khoản cụ thể gì.

Tại Kết luận giám định số 524/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của [Phòng K1 Công an tỉnh G](#) về Chữ ký chữ viết trên “GIẤY VAY TIỀN” đề ngày 17/10/2022 do [Lê Thị Hương T1](#) giao nộp xác định: Chữ viết và chữ ký (dạng chữ viết) “M” [Trừ chữ viết họ tên “[Nguyễn Thị Hồng M](#)” dưới mục “BÊN VAY (Ký, ghi rõ họ tên)”] trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ viết của [Nguyễn Thị Hồng M](#) trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Thị Hồng M](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Hồng M](#) 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/5/2025 bị cáo [Nguyễn Thị Hồng M](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo bị cáo [M](#) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do nợ tiền của bà [Nguyễn Thị Thiên A](#) đến hạn nhưng không có khả năng thanh toán nên ngày 14/10/2022 bị cáo [Nguyễn Thị Hồng M](#) đã đưa ra thông tin gian dối với bị hại [Lê Thị Hương T1](#) là cần tiền để làm đảo hạn ngân hàng trong vài giờ sẽ trả lại, bà [T1](#) tin tưởng là thật nên chuyển khoản 1.500.000.000 đồng cho bị cáo. Sau khi nhận tiền chuyển khoản từ bà [T1](#), bị cáo đã chuyển khoản trả nợ cho bà [Nguyễn Thị Thiên A](#) 1.480.00.000 đồng còn lại thì sử dụng cá nhân.

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 26/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo [Nguyễn Thị Hồng M](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa bàn.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc quyết định hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường toàn bộ cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt là đúng quy định.

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo và tuyên phạt mức án phù hợp. Do đó, bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có cơ sở để xem xét.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M 11** (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 27/3/2024.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Nguyễn Thị Hồng M** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn